

# XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ GẮN KẾT CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Nguyễn Đình Đô<sup>(1)</sup>; Nguyễn Kế Bình<sup>(2)</sup>; Trần Văn Phương<sup>(3)</sup>; Nguyễn Văn Tuấn<sup>(4)</sup>

## Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 15/03/2026

Ngày phản biện: 19/04/2026

Ngày đăng: 12/06/2026

## Tác giả liên hệ:

Nguyễn Đình Đô

Email: dond@ntu.edu.vn

Tập 3, số 4 (2026), trang 29-39

DOI:

<https://doi.org/10.64024/upes14091>

Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

**Tóm tắt:** Nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của sinh viên đối với học phần Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Nha Trang trên cơ sở tích hợp lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) và các yếu tố môi trường học tập. Dữ liệu được thu thập từ 897 sinh viên và phân tích bằng Cronbach's Alpha, EFA và CFA. Kết quả cho thấy các thang đo đạt độ tin cậy và giá trị tốt với Cronbach's Alpha từ 0.887 đến 0.912; mô hình CFA phù hợp với dữ liệu khảo sát (Chi-square/df = 2.257; CFI = 0.963; TLI = 0.959; RMSEA = 0.037). Nghiên cứu khẳng định sự gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC gồm ba thành phần: gắn kết hành vi, cảm xúc và nhận thức; đồng thời chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố tâm lý – hành vi và môi trường học tập, trong đó thái độ học tập và chất lượng giảng dạy giữ vai trò nổi bật. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở khoa học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy học phần GDTC trong các trường đại học.

**Từ khóa:** sự gắn kết, giáo dục thể chất, TPB.

## Identification of factors affecting students' engagement with the physical education course at Nha Trang University

Nguyen Dinh Do<sup>(1)</sup>; Nguyen Ke Binh<sup>(2)</sup>; Tran Van Phuong<sup>(3)</sup>; Nguyen Van Tuan<sup>(4)</sup>

## Article Information:

Received: 15/03/2026

Review date: 19/04/2026

Published: 12/06/2026

## Corresponding Author:

Nguyen Dinh Do

Email: dond@ntu.edu.vn

Vol.3, Issue 4 (2026), pp 29-39

DOI:

<https://doi.org/10.64024/upes14091>

Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

**Abstract:** This study aimed to identify factors affecting students' engagement with the Physical Education course at Nha Trang University by integrating the Theory of Planned Behavior (TPB) and learning environment factors. Data were collected from 897 students and analyzed using Cronbach's Alpha, exploratory factor analysis (EFA), and confirmatory factor analysis (CFA). The results showed that the scales achieved good reliability and validity, with Cronbach's Alpha ranging from 0.887 to 0.912; the CFA model fit the survey data well (Chi-square/df = 2.257; CFI = 0.963; TLI = 0.959; RMSEA = 0.037). The study confirmed that students' engagement with the Physical Education course consists of three components: behavioral, emotional, and cognitive engagement. It is also influenced by psychological-behavioral factors and the learning environment, with learning attitude and teaching quality playing prominent roles. The findings contribute scientific evidence for improving the teaching quality of Physical Education courses in universities.

**Keywords:** Engagement, physical education, TPB.

<sup>(1)</sup>ThS Trường Đại học Nha Trang; <sup>(2)</sup>TS Trường Đại học Sư phạm TĐTT TP. Hồ Chí Minh

<sup>(3)</sup>ThS Trường Đại học Y dược TPHCM; <sup>(4)</sup>ThS Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học tại Việt Nam, việc nâng cao chất lượng đào tạo không chỉ tập trung vào chương trình học mà còn chú trọng tăng cường sự tham gia và trải nghiệm học tập của sinh viên (Astin, 1999 [5]; Kuh, 2009 [10]). Học phần Giáo dục thể chất (GDTC) giữ vai trò quan trọng trong phát triển thể chất, sức khỏe tinh thần và hình thành lối sống tích cực cho sinh viên. Tuy nhiên, tại nhiều trường đại học hiện nay, sinh viên vẫn còn học tập mang tính đối phó, thiếu hứng thú và chưa tích cực tham gia hoạt động vận động (Biddle và cộng sự, 2001 [7]).

Tại Trường Đại học Nha Trang, mặc dù nhà trường đã chú trọng đổi mới giảng dạy và đầu tư cơ sở vật chất, mức độ gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC vẫn chưa đạt kỳ vọng. Trong khi đó, các nghiên cứu trước chủ yếu tập trung vào bối cảnh học tập lý thuyết, còn lĩnh vực GDTC vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, đặc biệt tại Việt Nam (Fredricks và cộng sự, 2004 [8]; Rhodes và Courneya, 2003 [9]). Do đó, việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC là cần thiết, vừa có ý nghĩa lý luận vừa có giá trị thực tiễn trong nâng cao chất lượng giáo dục thể chất ở bậc đại học.

Từ những lý do trên, việc thực hiện nghiên cứu: “Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của sinh viên đối với học phần Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Nha Trang” là cần thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của giáo dục đại học trong bối cảnh hiện nay.

## **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Đọc phân tích và tổng hợp tài liệu; Phỏng vấn; Toán học thống kê.

Đối tượng nghiên cứu: Là sinh viên đang theo học học phần GDTC tại Trường Đại học Nha Trang. Mẫu nghiên cứu gồm 897 sinh viên, trong đó có 386 sinh viên nam (43%) và 511 sinh viên nữ (57%). Phương pháp chọn mẫu được thực hiện theo phương pháp ngẫu nhiên phân tầng theo giới tính và năm học nhằm đảm bảo tính đại diện của mẫu nghiên cứu.

## **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

### **1. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của sinh viên đối với học phần Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Nha Trang**

#### **1.1. Khái niệm sự gắn kết của sinh viên**

Sự gắn kết của sinh viên được xem là một trong những khái niệm cốt lõi trong nghiên cứu giáo dục đương đại, phản ánh mức độ tham gia chủ động, sự kết nối tâm lý và cam kết của người học đối với quá trình học tập cũng như môi trường giáo dục (Fredricks và cộng sự [5], 2004; Kuh, 2009 [7]). Khái niệm này không chỉ thể hiện hành vi học tập bề mặt mà còn bao hàm các yếu tố cảm xúc và nhận thức, qua đó phản ánh chất lượng tương tác giữa sinh viên và môi trường học tập.

Theo Fredricks và cộng sự (2004) [5], sự gắn kết được cấu trúc thành ba thành phần cơ bản. Thứ nhất, gắn kết hành vi thể hiện qua mức độ tham gia vào các hoạt động học tập, sự tuân thủ quy định và nỗ lực trong quá trình học tập. Thứ hai, gắn kết cảm xúc phản ánh thái độ, cảm xúc tích cực hoặc tiêu cực của sinh viên đối với môn học, giảng viên và bối cảnh học tập. Thứ ba, gắn kết nhận thức liên quan đến mức độ đầu tư trí tuệ, sự chủ động, cũng như việc sử dụng các chiến lược học tập hiệu quả.

Trong bối cảnh học phần Giáo dục thể chất, sự gắn kết của sinh viên mang những đặc trưng riêng biệt so với các học phần lý thuyết. Không chỉ dừng lại ở việc tiếp thu kiến thức, GDTC đòi hỏi sự tham gia tích cực về mặt thể chất, sự tương tác trực tiếp và trải nghiệm thực hành liên tục. Do đó, sự gắn kết trong GDTC cần được tiếp cận như một cấu trúc đa chiều, trong đó yếu tố hành vi vận động đóng vai trò trung tâm, đồng thời vẫn gắn chặt với cảm xúc và nhận thức của người học. Việc đo lường đầy đủ các thành phần này là điều kiện cần thiết để phản ánh chính xác mức độ gắn kết của sinh viên trong học phần GDTC.

#### **1.2. Lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior - TPB)**

Lý thuyết hành vi có kế hoạch do Icek Ajzen (1991) [2] đề xuất là một trong những khung lý thuyết có ảnh hưởng rộng rãi trong nghiên cứu hành vi, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và sức khỏe. Theo TPB, hành vi của cá nhân được

quyết định trực tiếp bởi ý định thực hiện hành vi, và ý định này chịu ảnh hưởng của ba yếu tố cốt lõi: thái độ đối với hành vi, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi.

Thái độ phản ánh mức độ đánh giá tích cực hoặc tiêu cực của cá nhân đối với một hành vi cụ thể. Trong nghiên cứu này, thái độ được hiểu là cách sinh viên nhìn nhận học phần GDTC về mức độ hữu ích, cần thiết và giá trị đối với sức khỏe cũng như sự phát triển cá nhân. Chuẩn chủ quan đề cập đến nhận thức của cá nhân về áp lực xã hội từ những người có ảnh hưởng như bạn bè, giảng viên hoặc môi trường học tập, từ đó hình thành xu hướng hành vi. Nhận thức kiểm soát hành vi phản ánh mức độ cá nhân tin rằng mình có đủ nguồn lực và khả năng để thực hiện hành vi, bao gồm thể lực, thời gian, kỹ năng và điều kiện học tập. Việc vận dụng TPB trong nghiên cứu này cho phép giải thích cơ chế tâm lý hành vi dẫn đến sự tham gia và gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC. Cụ thể, khi sinh viên có thái độ tích cực, nhận được sự hỗ trợ từ môi trường xung quanh và cảm thấy có khả năng kiểm soát hành vi của mình, họ sẽ có xu hướng tham gia tích cực hơn, từ đó nâng cao mức độ gắn kết với môn học.

### **1.3. Các yếu tố môi trường trong giáo dục thể chất**

Bên cạnh các yếu tố tâm lý hành vi, môi trường học tập đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và duy trì sự gắn kết của sinh viên. Trong bối cảnh GDTC, các yếu tố môi trường không chỉ ảnh hưởng gián tiếp mà còn tác động trực tiếp đến trải nghiệm học tập và mức độ tham gia của người học.

Chất lượng giảng dạy được xem là yếu tố trung tâm, bao gồm phương pháp giảng dạy, năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm của giảng viên, cũng như mức độ phù hợp của nội dung chương trình. Đặc thù của GDTC là gắn liền với hoạt động thực hành, do đó phương pháp giảng dạy cần mang tính tương tác cao, linh hoạt và phù hợp với thể lực cũng như nhu cầu đa dạng của sinh viên. Một phương pháp giảng dạy hiệu quả không chỉ giúp sinh viên hiểu nội dung mà còn tạo động lực tham gia và duy trì hứng thú học tập.

Bên cạnh đó, cơ sở vật chất là yếu tố không thể tách rời trong GDTC, bao gồm sân bãi, trang thiết bị và điều kiện tổ chức hoạt động. Môi trường học tập thuận lợi sẽ tạo điều kiện cho sinh viên tham gia tích cực, giảm thiểu rào cản và nâng cao trải nghiệm học tập. Ngược lại, hạn chế về cơ sở vật chất có thể làm suy giảm động lực và mức độ gắn kết của sinh viên đối với học phần.

### **1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết đề xuất**

Trên cơ sở tổng hợp các nền tảng lý thuyết và các nghiên cứu trước, nghiên cứu này đề xuất các yếu tố tích hợp nhằm giải thích sự gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC. Trong đề xuất này, sơ đồ các yếu tố phản ánh kết quả của sự tương tác giữa các yếu tố tâm lý hành vi và các điều kiện môi trường học tập. Cụ thể, nhóm yếu tố tâm lý hành vi bao gồm: thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi, được kế thừa từ lý thuyết TPB (Ajzen, 1991 [2]). Nhóm yếu tố môi trường bao gồm: chất lượng giảng dạy và cơ sở vật chất, phản ánh điều kiện học tập thực tế trong GDTC. Việc kết hợp hai nhóm yếu tố này cho phép nghiên cứu tiếp cận vấn đề một cách toàn diện, vừa xem xét động lực nội tại của sinh viên, vừa đánh giá tác động của môi trường bên ngoài. Qua đó, sơ đồ không chỉ giúp giải thích mức độ gắn kết của sinh viên mà còn cung cấp cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy và quản lý học phần GDTC trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay.

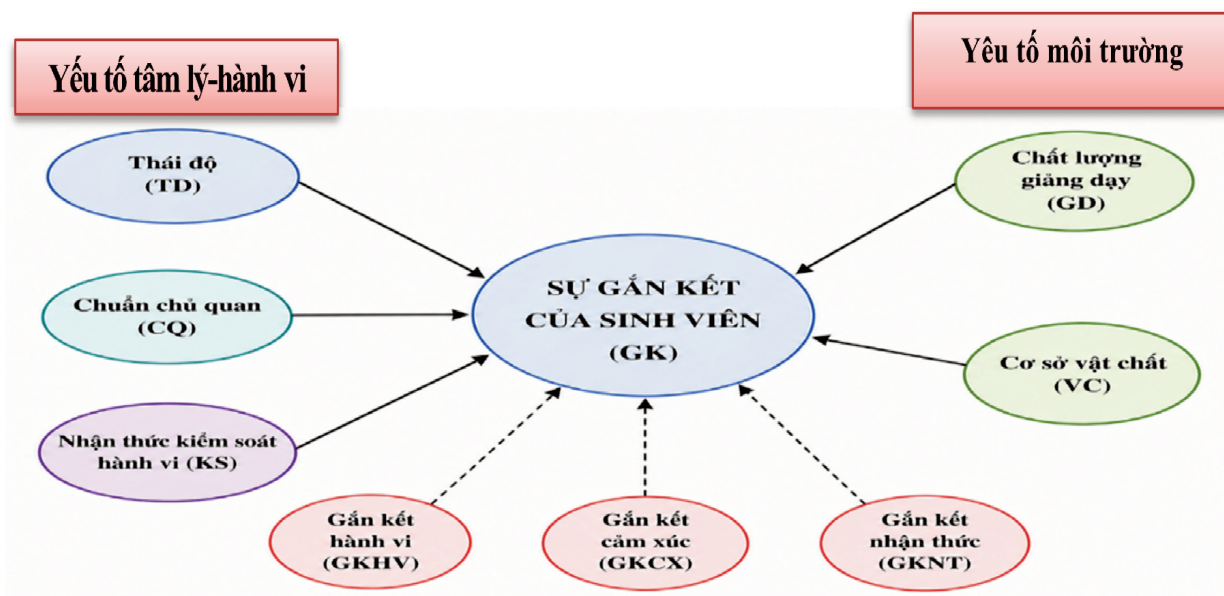
### **1.5. Nội dung cụ thể thang đo**

Tiến hành thu thập dữ liệu bằng việc gửi bảng hỏi (bảng 1) qua đường link khảo sát từ Google Form đến 938 sinh viên, kết quả thu về 897 phiếu hợp lệ, đạt tỷ lệ 95.63%. Tiếp đến, nhóm nghiên cứu tổng hợp và đưa vào phần mềm SPSS 26.0 để xử lý và phân tích số liệu.

## **2. Kết quả xác định các yếu tố**

### **2.1 Kiểm định chất lượng thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha**

Thang đo và độ tin cậy của các biến quan sát được đánh giá bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha và phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA ở bảng 2.



**Sơ đồ 1. Sơ đồ các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của sinh viên đề xuất**

**Bảng 1. Bảng mã hóa thang đo đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của sinh viên đối với học phần Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Nha Trang**

TT	Nhóm yếu tố	Mã biến	Nội dung biến quan sát
<b>Yếu tố tâm lý-hành vi</b>			
1	Thái độ	TD1	Học phần GDTC là cần thiết trong chương trình đại học
2	Thái độ	TD2	Học phần GDTC giúp cải thiện sức khỏe
3	Thái độ	TD3	Học phần GDTC giúp phát triển kỹ năng cá nhân
4	Thái độ	TD4	Tôi đánh giá cao vai trò của học phần GDTC
5	Chuẩn chủ quan	CQ1	Bạn bè khuyến khích tôi tham gia học GDTC
6	Chuẩn chủ quan	CQ2	Giảng viên khuyến khích tôi tham gia học GDTC tích cực
7	Chuẩn chủ quan	CQ3	Những người xung quanh mong muốn tôi tham gia học GDTC
8	Chuẩn chủ quan	CQ4	Tôi cảm thấy cần thiết phải tham gia học GDTC như các SV khác
9	Chuẩn chủ quan	CQ5	Nhà trường coi trọng học phần GDTC
10	Nhận thức kiểm soát hành vi	KS1	Tôi có đủ thể lực để tham gia học GDTC
11	Nhận thức kiểm soát hành vi	KS2	Tôi có đủ kỹ năng để thực hiện các hoạt động trong GDTC
12	Nhận thức kiểm soát hành vi	KS3	Tôi có thể sắp xếp thời gian để tham gia học GDTC
13	Nhận thức kiểm soát hành vi	KS4	Tôi có thể chủ động tham gia các hoạt động GDTC
14	Nhận thức kiểm soát hành vi	KS5	Tôi tự tin hoàn thành các yêu cầu của học phần GDTC

TT	Nhóm yếu tố	Mã biến	Nội dung biến quan sát
<b>Yếu tố môi trường</b>			
15	Chất lượng giảng dạy	GD1	Giảng viên GDTC giảng dạy dễ hiểu
16	Chất lượng giảng dạy	GD2	Phương pháp giảng dạy GDTC hấp dẫn
17	Chất lượng giảng dạy	GD3	Giảng viên GDTC nhiệt tình và hỗ trợ sinh viên
18	Chất lượng giảng dạy	GD4	Nội dung học phần GDTC phù hợp với sinh viên
19	Chất lượng giảng dạy	GD5	Giảng viên GDTC tạo động lực học tập cho sinh viên
20	Cơ sở vật chất	VC1	Sân bãi đáp ứng yêu cầu học tập GDTC
21	Cơ sở vật chất	VC2	Trang thiết bị phục vụ GDTC đầy đủ
22	Cơ sở vật chất	VC3	Điều kiện học tập GDTC thuận lợi
23	Cơ sở vật chất	VC4	Môi trường học tập GDTC an toàn
24	Cơ sở vật chất	VC5	Cơ sở vật chất phù hợp với nội dung học GDTC
<b>Sự gắn kết</b>			
25	Gắn kết hành vi	GKHV1	Tôi tham gia đầy đủ các buổi học GDTC
26	Gắn kết hành vi	GKHV2	Tôi tích cực tham gia các hoạt động vận động trong giờ học GDTC
27	Gắn kết hành vi	GKHV3	Tôi tuân thủ các yêu cầu của giảng viên GDTC
28	Gắn kết hành vi	GKHV4	Tôi chủ động tham gia luyện tập GDTC ngoài giờ học
29	Gắn kết hành vi	GKHV5	Tôi hạn chế vắng mặt trong các buổi học GDTC
30	Gắn kết cảm xúc	GKCX1	Tôi cảm thấy hứng thú khi tham gia học GDTC
31	Gắn kết cảm xúc	GKCX2	Tôi cảm thấy thoải mái khi tham gia giờ học GDTC
32	Gắn kết cảm xúc	GKCX3	Tôi yêu thích các hoạt động trong giờ học GDTC
33	Gắn kết cảm xúc	GKCX4	Tôi mong chờ các buổi học GDTC
34	Gắn kết cảm xúc	GKCX5	Tôi có cảm xúc tích cực đối với học phần GDTC
35	Gắn kết nhận thức	GKNT1	Tôi cố gắng hiểu rõ nội dung học phần GDTC
36	Gắn kết nhận thức	GKNT2	Tôi suy nghĩ về cách học hiệu quả trong học phần GDTC
37	Gắn kết nhận thức	GKNT3	Tôi tập trung nghiêm túc trong quá trình học GDTC
38	Gắn kết nhận thức	GKNT4	Tôi nỗ lực cải thiện kỹ năng vận động trong giờ học GDTC
39	Gắn kết nhận thức	GKNT5	Tôi nhận thức rõ lợi ích của học phần GDTC

**Bảng 2. Tổng hợp kết quả phân tích bằng hệ số Cronbach's Alpha**

TT	Thang đo	Mã hóa	Biến	Cronbach's Alpha
1	Thái độ	TD	4	0.887
2	Chuẩn chủ quan	CQ	5	0.91
3	Nhận thức kiểm soát hành vi	KS	5	0.899
4	Chất lượng giảng dạy	GD	5	0.907
5	Cơ sở vật chất	VC	5	0.909
6	Gắn kết hành vi	GKHV	5	0.912
7	Gắn kết cảm xúc	GKCX	5	0.91
8	Gắn kết nhận thức	GKNT	5	0.899

*Nguồn: Xử lý từ dữ liệu khảo sát*

Kết quả kiểm định độ tin cậy bằng Cronbach's Alpha (bảng 2) cho thấy các thang đo đều đạt yêu cầu, với hệ số dao động từ 0.887 đến 0.912, lớn hơn ngưỡng 0.7 (Nunnally & Bernstein, 1994) [8], chứng tỏ độ nhất quán nội tại cao. Do đó, các thang đo được giữ lại để tiếp tục phân tích EFA. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett (bảng 3) cho thấy dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố, với  $KMO = 0.944 (>0.5)$  và kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê ( $sig. < 0.001$ ). Như vậy, bộ thang đo gồm 8 nhân tố với 39 biến quan sát đảm bảo độ tin cậy và đủ điều kiện để thực hiện EFA.

## 2.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả bảng ma trận xoay các nhân tố được thể hiện ở bảng 4.

**Bảng 3. Kết quả phân tích KMO**

Chỉ tiêu	Giá trị
KMO	0.944
Bartlett Chi-square	23014.392
df	741
Sig.	<0.001

**Bảng 4. Ma trận xoay nhân tố (Rotated Component Matrix)**

Mã biến	Nhân tố 1	Nhân tố 2	Nhân tố 3	Nhân tố 4	Nhân tố 5	Nhân tố 6	Nhân tố 7	Nhân tố 8
GKHV1	0.793							
GKHV2	0.769							
GKHV3	0.786							
GKHV4	0.774							
GKHV5	0.803							
GKCX1		0.788						
GKCX2		0.778						
GKCX3		0.788						
GKCX4		0.771						
GKCX5		0.787						

Mã biến	Nhân tố 1	Nhân tố 2	Nhân tố 3	Nhân tố 4	Nhân tố 5	Nhân tố 6	Nhân tố 7	Nhân tố 8
GKNT1			0.757					
GKNT2			0.779					
GKNT3			0.748					
GKNT4			0.777					
GKNT5			0.794					
TD1				0.805				
TD2				0.833				
TD3				0.827				
TD4				0.821				
CQ1					0.833			
CQ2					0.808			
CQ3					0.838			
CQ4					0.815			
CQ5					0.816			
KS1						0.803		
KS2						0.808		
KS3						0.804		
KS4						0.79		
KS5						0.82		
GD1							0.83	
GD2							0.837	
GD3							0.814	
GD4							0.818	
GD5							0.808	
VC1								0.828
VC2								0.79
VC3								0.837
VC4								0.831
VC5								0.803

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) với phép xoay Varimax cho thấy các biến quan sát được phân thành 8 nhân tố, phù hợp với mô hình nghiên cứu đề xuất. Các hệ số tải nhân tố dao động từ 0.748 đến 0.838, vượt ngưỡng 0.5 (Hair và cộng sự 2010) [6], cho thấy các thang đo đạt giá trị hội tụ tốt. Biến sự gắn kết gồm ba thành phần (gắn kết hành vi, cảm xúc và nhận thức) được xác định rõ ràng với hệ số tải cao. Các yếu tố tâm lý-hành vi theo TPB (thái độ, chuẩn chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi) và các yếu tố môi trường (chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất) cũng được hình thành ổn định. Không xuất hiện tải chéo đáng kể, đảm bảo giá trị phân biệt. Như vậy, bộ thang đo gồm 39 biến quan sát thuộc 8 nhân tố đạt yêu cầu, đủ điều kiện để tiếp tục phân tích CFA nhằm kiểm định mô hình đo lường.

**2.3. Kết quả phân tích nhân tố khẳng định (CFA)**

Kết quả phân tích CFA (bảng 5) cho thấy mô hình đo lường phù hợp tốt với dữ liệu khảo sát,

**Bảng 5. Kết quả phân tích nhân tố khẳng định (CFA)**

Chỉ số	Giá trị
Chi-square	1521.233
df	674
Chi-square/df	2.257
CFI	0.963
TLI	0.959
RMSEA	0.037
SRMR	0.032

với các chỉ số đạt ngưỡng khuyến nghị: Chi-square/df = 2.257 (<3), CFI = 0.963, TLI = 0.959 (>0.9) và RMSEA = 0.037 (<0.05). Đồng thời, kết quả ở Bảng 6 cho thấy các thang đo đạt độ tin cậy và giá trị hội tụ tốt, với CR dao động từ 0.922 đến 0.934 (>0.7) và AVE từ 0.712 đến 0.747 (>0.5). Như vậy, các thang đo trong nghiên cứu đảm bảo độ tin cậy và phù hợp để tiếp tục phân tích mô hình cấu trúc.

**Bảng 6. Độ tin cậy tổng hợp và giá trị hội tụ của thang đo**

(Nguồn: Xử lý từ dữ liệu khảo sát)

TT	Thang đo	Mã nhóm	CR	AVE
1	Thái độ	TD	0.922	0.747
2	Chuẩn chủ quan	CQ	0.933	0.735
3	Nhận thức kiểm soát hành vi	KS	0.925	0.712
4	Chất lượng giảng dạy	GD	0.931	0.728
5	Cơ sở vật chất	VC	0.932	0.733
6	Gắn kết hành vi	GKHV	0.934	0.74
7	Gắn kết cảm xúc	GKCX	0.933	0.736
8	Gắn kết nhận thức	GKNT	0.925	0.712

Như vậy, có thể khẳng định rằng các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC tại Trường Đại học Nha Trang đo lường trong nghiên cứu đạt độ tin cậy và giá trị hội tụ, đồng thời phù hợp với dữ liệu khảo sát.

**3. Thực trạng sự gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC tại Trường Đại học Nha Trang**

Dữ liệu phục vụ đánh giá thực trạng được thu thập thông qua phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi đối với 897 sinh viên đang theo học học

phần GDTC tại Trường Đại học Nha Trang. Bảng hỏi được xây dựng dựa trên hệ thống thang đo gồm 8 nhân tố với 39 biến quan sát, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, từ 1 “Hoàn toàn không đồng ý” đến 5 “Hoàn toàn đồng ý”. Quá trình khảo sát được thực hiện thông qua Google Form nhằm đảm bảo tính thuận tiện và khả năng tiếp cận đối tượng nghiên cứu. Sau khi thu thập, dữ liệu được mã hóa, làm sạch và xử lý bằng phần mềm SPSS để tính toán giá trị trung bình (Mean), độ lệch chuẩn (SD). Kết quả được trình bày ở bảng 7.

**Bảng 7. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC tại Trường Đại học Nha Trang**

TT	Mã biến	Nội dung biến quan sát	Mean	SD
1	GKHV1	Tôi tham gia đầy đủ các buổi học GDTC	3.88	0.77
2	GKHV2	Tôi tích cực tham gia các hoạt động vận động trong giờ học GDTC	3.79	0.74
3	GKHV3	Tôi tuân thủ các yêu cầu của giảng viên GDTC	3.92	0.7
4	GKHV4	Tôi chủ động tham gia luyện tập GDTC ngoài giờ học	3.51	0.83
5	GKHV5	Tôi hạn chế vắng mặt trong các buổi học GDTC	3.62	0.81
6	GKCX1	Tôi cảm thấy hứng thú khi tham gia học GDTC	3.97	0.71
7	GKCX2	Tôi cảm thấy thoải mái khi tham gia giờ học GDTC	4.01	0.69
8	GKCX3	Tôi yêu thích các hoạt động trong giờ học GDTC	3.89	0.72
9	GKCX4	Tôi mong chờ các buổi học GDTC	3.93	0.7
10	GKCX5	Tôi có cảm xúc tích cực đối với học phần GDTC	3.96	0.68
11	GKNT1	Tôi cố gắng hiểu rõ nội dung học phần GDTC	3.9	0.67
12	GKNT2	Tôi suy nghĩ về cách học hiệu quả trong học phần GDTC	3.84	0.71
13	GKNT3	Tôi tập trung nghiêm túc trong quá trình học GDTC	3.96	0.66
14	GKNT4	Tôi nỗ lực cải thiện kỹ năng vận động trong giờ học GDTC	3.89	0.69
15	GKNT5	Tôi nhận thức rõ lợi ích của học phần GDTC	3.97	0.65
16	TD1	Học phần GDTC là cần thiết trong chương trình đại học	4.12	0.63
17	TD2	Học phần GDTC giúp cải thiện sức khỏe	4.18	0.59
18	TD3	Học phần GDTC giúp phát triển kỹ năng cá nhân	4.03	0.66
19	TD4	Tôi đánh giá cao vai trò của học phần GDTC	3.99	0.65
20	CQ1	Bạn bè khuyến khích tôi tham gia học GDTC	3.86	0.72
21	CQ2	Giảng viên khuyến khích tôi tham gia học GDTC tích cực	3.95	0.68
22	CQ3	Những người xung quanh mong muốn tôi tham gia học GDTC	3.82	0.71
23	CQ4	Tôi cảm thấy cần thiết phải tham gia học GDTC như các SV khác	3.88	0.7
24	CQ5	Nhà trường coi trọng học phần GDTC	3.94	0.67
25	KS1	Tôi có đủ thể lực để tham gia học GDTC	3.79	0.73

TT	Mã biến	Nội dung biến quan sát	Mean	SD
26	KS2	Tôi có đủ kỹ năng để thực hiện các hoạt động trong GDTC	3.72	0.75
27	KS3	Tôi có thể sắp xếp thời gian để tham gia học GDTC	3.68	0.77
28	KS4	Tôi có thể chủ động tham gia các hoạt động GDTC	3.74	0.72
29	KS5	Tôi tự tin hoàn thành các yêu cầu của học phần GDTC	3.87	0.69
30	GD1	Giảng viên GDTC giảng dạy dễ hiểu	4.05	0.65
31	GD2	Phương pháp giảng dạy GDTC hấp dẫn	3.98	0.68
32	GD3	Giảng viên GDTC nhiệt tình và hỗ trợ sinh viên	4.1	0.63
33	GD4	Nội dung học phần GDTC phù hợp với sinh viên	3.96	0.67
34	GD5	Giảng viên GDTC tạo động lực học tập cho sinh viên	4.02	0.64
35	VC1	Sân bãi đáp ứng yêu cầu học tập GDTC	3.71	0.76
36	VC2	Trang thiết bị phục vụ GDTC đầy đủ	3.63	0.79
37	VC3	Điều kiện học tập GDTC thuận lợi	3.69	0.75
38	VC4	Môi trường học tập GDTC an toàn	3.77	0.72
39	VC5	Cơ sở vật chất phù hợp với nội dung học GDTC	3.61	0.8

Kết quả khảo sát ở bảng 7 cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC tại Trường Đại học Nha Trang đều đạt mức Khá đến Cao. Trong đó, thái độ của sinh viên và chất lượng giảng dạy là hai yếu tố nổi bật nhất, phản ánh sinh viên nhận thức rõ vai trò của GDTC đối với sức khỏe, kỹ năng cá nhân, đồng thời đánh giá tích cực sự hướng dẫn, hỗ trợ và tạo động lực từ giảng viên.

Đối với bản thân sự gắn kết, gắn kết cảm xúc và gắn kết nhận thức có xu hướng cao hơn gắn kết hành vi. Điều này cho thấy sinh viên nhìn chung có hứng thú, cảm xúc tích cực và nhận thức rõ lợi ích của học phần, nhưng mức độ chủ động tham gia luyện tập ngoài giờ học vẫn chưa tương xứng. Đây là điểm cần chú ý vì sự gắn kết trong GDTC không chỉ thể hiện ở thái độ hay nhận thức, mà còn phải được chuyển hóa thành hành vi vận động thường xuyên.

Ngược lại, cơ sở vật chất và nhận thức kiểm soát hành vi có điểm thấp hơn, cho thấy vẫn còn những rào cản liên quan đến điều kiện sân bãi,

trang thiết bị, thời gian, thể lực và kỹ năng cá nhân của sinh viên. Như vậy, để nâng cao sự gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC, cần ưu tiên cải thiện điều kiện học tập, đổi mới phương pháp giảng dạy và tăng cường các hoạt động khuyến khích sinh viên tham gia vận động chủ động, thường xuyên hơn.

### **Bàn luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC là một cấu trúc đa chiều gồm gắn kết hành vi, cảm xúc và nhận thức, phù hợp với mô hình của Fredricks và cộng sự (2004). Điều này cho thấy sự gắn kết trong GDTC không chỉ phản ánh mức độ tham gia học tập mà còn bao gồm cảm xúc, thái độ và sự đầu tư nhận thức của sinh viên đối với môn học. Bên cạnh đó, các yếu tố thuộc Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) của Ajzen (1991), bao gồm thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi, đều được xác nhận có vai trò quan trọng trong việc hình thành sự gắn kết của sinh viên. Kết quả này cho thấy khi sinh viên có

nhận thức tích cực về vai trò của GDTC, nhận được sự khuyến khích từ môi trường xung quanh và cảm thấy có đủ khả năng tham gia học tập, mức độ gắn kết sẽ được nâng cao. So với các học phần lý thuyết, GDTC có những đặc thù riêng do gắn liền với hoạt động vận động và trải nghiệm thực hành. Vì vậy, các yếu tố như chất lượng giảng dạy, phương pháp tổ chức học tập và điều kiện cơ sở vật chất có ảnh hưởng trực tiếp hơn đến sự tham gia của sinh viên. Kết quả thực trạng cho thấy chất lượng giảng dạy được đánh giá cao hơn cơ sở vật chất, phản ánh vai trò nổi bật của giảng viên trong việc tạo động lực và duy trì hứng thú học tập cho sinh viên.

Nhìn chung, nghiên cứu không chỉ củng cố cơ sở lý thuyết về sự gắn kết và TPB trong bối cảnh GDTC mà còn nhấn mạnh vai trò của môi trường học tập và hoạt động thực hành trong việc nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên

### KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC tại Trường Đại học Nha Trang trên cơ sở tích hợp Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) và các yếu tố môi trường học tập. Kết quả cho thấy sự gắn kết của sinh viên là cấu trúc đa chiều gồm gắn kết hành vi, cảm xúc và nhận thức, phù hợp với khung lý thuyết của Fredricks và cộng sự (2004). Thông qua kiểm định, nghiên cứu xác nhận hệ thống thang đo gồm 8 nhân tố với 39 biến quan sát đạt độ tin cậy và giá trị đo lường tốt. Các yếu tố tâm lý-hành vi gồm thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi, cùng với các yếu tố môi trường như chất lượng giảng dạy và cơ sở vật chất, đều có vai trò quan trọng đối với sự gắn kết của sinh viên trong học phần GDTC.

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC tại Trường Đại học Nha Trang nhìn chung đạt mức Khá. Nhìn chung, sự gắn kết của sinh viên đối với học phần GDTC tại Trường Đại học Nha Trang chịu tác động đồng thời của các yếu tố tâm lý- hành vi và môi trường học tập, trong đó thái độ học tập và chất lượng giảng dạy đóng vai trò nổi bật hơn so với cơ sở vật chất và mức độ chủ động tham gia vận động của sinh viên.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam. (2018). *Chương trình giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục đại học*.
2. Icek Ajzen. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179–211.
3. Alexander W. Astin. (1999). Student involvement: A developmental theory for higher education. *Journal of College Student Development*, 40(5), 518–529.
4. Stuart J. H. Biddle, Neville Owen, & Emma S. G. Lee. (2001). Physical activity and sedentary behaviours in youth: Issues and controversies. *Journal of the Royal Society for the Promotion of Health*, 121(1), 29–33.
5. Jennifer A. Fredricks, Phyllis C. Blumenfeld, & Alison H. Paris. (2004). School engagement: Potential of the concept, state of the evidence. *Review of Educational Research*, 74(1), 59–109.
6. Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2010). *Multivariate data analysis* (7th ed.). Upper Saddle River, NJ: Prentice Hall.
7. George D. Kuh. (2009). What student affairs professionals need to know about student engagement. *Journal of College Student Development*, 50(6), 683–706.
8. Nunnally, J. C., & Bernstein, I. H. (1994). *Psychometric theory* (3rd ed.). New York, NY: McGraw-Hill.
9. Ryan E. Rhodes, & Kerry S. Courneya. (2003). Investigating multiple components of attitude, subjective norm, and perceived control: An examination of the theory of planned behaviour in the exercise domain. *British Journal of Social Psychology*, 42(1), 129–146.
10. Vincent Tinto. (1993). *Leaving college: Rethinking the causes and cures of student attrition* (2nd ed.). University of Chicago Press.